



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,  
HẠNH PHÚC HƠN

## TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG CỦA SẢN PHẨM

# BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AIA - KHOẺ TRỌN VẸN – KẾ HOẠCH TỐI ƯU

Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA (Việt Nam) (“AIA Việt Nam”)

Nghịệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư

Số tiền bảo hiểm **2.000.000.000 đồng**, phí bảo hiểm cơ bản đóng **293.200.000 đồng/năm**

### BẢO VỆ TOÀN DIỆN TRƯỚC MỌI RỦI RO



Bảo vệ trọn đời lên đến **100 tuổi**.



Nhận **2.000.000.000 đồng** khi Thương tật toàn bộ vĩnh viễn hoặc tử vong.

### THIẾT LẬP KHOẢN TIẾT KIỆM MONG MUỐN



Có thể đầu tư thêm lên đến **293.200.000 đồng/năm** để nhanh chóng đạt mục đích tiết kiệm.



**Linh hoạt rút tiền** từ Giá trị tài khoản hợp đồng và hoàn toàn miễn phí khi rút tiền.



Nhận **khoản thưởng duy trì hợp đồng bằng 5% phí bảo hiểm cơ bản thực đóng** vào Giá trị tài khoản cơ bản vào Ngày kỷ niệm hợp đồng năm thứ 10



**Hưởng lãi từ kết quả đầu tư theo mức lãi suất tích lũy** được AIA Việt Nam công bố hàng tháng và không thấp hơn mức lãi suất cam kết.

### DUY TRÌ LỐI SỐNG VUI KHỎE & TẬN HƯỞNG ƯU ĐÃI



Nhận **thêm lên đến 20% giá trị bảo vệ** tùy vào mức độ hoạt động sống khỏe, khi chi trả các quyền lợi bảo hiểm rủi ro.



Giúp bạn **cải thiện, nâng cao sức khỏe**. Năng động và khỏe mạnh hơn cùng với Chương Trình AIA Vitality Việt Nam.



**Tận hưởng phần thưởng hấp dẫn** với phiếu quà tặng, ưu đãi, thưởng duy trì lối sống khỏe từ Chương Trình AIA Vitality Việt Nam.

Vui lòng tham khảo Quy tắc, điều khoản sản phẩm bảo hiểm để biết thêm chi tiết quyền, quyền lợi và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,  
HẠNH PHÚC HƠN

## MỤC LỤC

|                                                              |    |
|--------------------------------------------------------------|----|
| 1. Thông tin hợp đồng bảo hiểm.....                          | 3  |
| 2. Tóm tắt thông tin quyền lợi sản phẩm.....                 | 5  |
| 3. Tóm tắt các loại phí .....                                | 11 |
| 4. Thông tin tóm tắt về quỹ liên kết chung.....              | 13 |
| 5. Minh họa đóng phí trong thời gian đóng phí bắt buộc ..... | 14 |
| 6. Minh họa thưởng gia tăng bảo vệ AIA Vitality .....        | 21 |
| 7. Một số lưu ý quan trọng.....                              | 24 |
| 8. Xác nhận của khách hàng.....                              | 25 |

## AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và đầu tư tài chính theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 16GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 14 tháng 7 năm 2008; Vốn điều lệ: 8.724,420 tỷ đồng; Địa chỉ trụ sở chính tại Tòa nhà Saigon Centre tháp 2, 67 Đường Lê Lợi, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (84-28) 3830 3333; Trung tâm dịch vụ khách hàng, điện thoại: (84-28) 3812 2777, email: [vn.customer@aia.com](mailto:vn.customer@aia.com)

Thông tin chi tiết về địa chỉ Văn phòng/ Trung tâm dịch vụ khách hàng, khách hàng vui lòng tham khảo tại đường dẫn: <https://www.aia.com.vn/vi/dich-vu/van-phong-giao-dich.html>

### THÔNG TIN ĐẠI LÝ BẢO HIỂM TỔ CHỨC

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân là đối tác được Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam) ủy quyền thực hiện tư vấn, giới thiệu, chào bán sản phẩm bảo hiểm; thu xếp việc giao kết hợp đồng, thu phí bảo hiểm; thu thập hồ sơ để phục vụ việc giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm theo hợp đồng hợp tác phân phối ký ngày 15/12/2025. Địa chỉ trụ sở chính: Số 25 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Họ và tên

Mã số đại lý

Nhân viên giới thiệu

### THÔNG TIN ĐẠI LÝ BẢO HIỂM CÁ NHÂN

Họ và tên

Mã số đại lý

Đại lý bảo hiểm

### THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Họ và tên

Giới tính

Tuổi

Nghề nghiệp

Bên mua bảo hiểm

Nữ

44

Nông Lâm Ngư Nghiệp

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Đại lý bảo hiểm:

**Trang 3 | 25**

Ngày giờ lập:

2.1.0.0 | 21062019

112802095530601

AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG  
THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Đơn vị: đồng

| Sản phẩm                                                      | Người được bảo hiểm (NDBH) | Tuổi tham gia | Giới tính | Nghề nghiệp         | Thời hạn bảo hiểm tối đa (năm) | Thời hạn đóng phí tối đa (năm) | Thời gian đóng phí dự kiến (năm) | Mức thâm định | Số tiền bảo hiểm (STBH) | Phí bảo hiểm năm đầu tiên |
|---------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------|-----------|---------------------|--------------------------------|--------------------------------|----------------------------------|---------------|-------------------------|---------------------------|
| <b>Bảo hiểm nhân thọ (BHNT)</b>                               |                            |               |           |                     |                                |                                |                                  |               |                         |                           |
| Bảo hiểm Liên Kết Chung AIA - Khoẻ Trọn Vẹn – Kế hoạch tối ưu |                            | 44            | Nữ        | Nông Lâm Ngư Nghiệp | 56                             | 56                             | Đóng phí 1 lần                   | Chuẩn         | 2.000.000.000           | 293.200.000               |

Năm

(i) Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm BHNT theo định kỳ 293.200.000

(ii) Phí đóng thêm của sản phẩm BHNT -

**Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ: (i) + (ii) 293.200.000**

**Định kỳ đóng phí dự kiến: Năm**

**Ghi chú:**

- Tổng phí bảo hiểm (“Phí BH”) theo định kỳ hiển thị là phí bảo hiểm theo định kỳ đã chọn trong năm hợp đồng đầu tiên và yêu cầu phải được đóng đủ. Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ chưa bao gồm Phí quản lý và tư vấn Chương Trình AIA Vitality Việt Nam (“Phí”). Các thành viên Vitality phải đóng Phí cho AIA Wellness (Công Ty TNHH AIA Sức Sống Mới (Việt Nam)) để được tư vấn, hỗ trợ quản trị cũng như hưởng các quyền lợi thành viên.
- Phí đóng vào của Khách hàng sẽ được ưu tiên thanh toán theo thứ tự như sau: (i) => (ii).  
Trong đó, (ii) chỉ được ghi nhận khi (i) đã được đóng đủ trong Năm hợp đồng đó.
- Khách hàng truy cập trang thông tin điện tử [www.aia.com.vn](http://www.aia.com.vn) để tham khảo quy tắc điều khoản và công cụ tính toán của sản phẩm bảo hiểm.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

**Trang 4 | 25**

2.1.0.0 | 21062019

112802095530601

## AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

### TÓM TẮT THÔNG TIN QUYỀN LỢI SẢN PHẨM

#### 1. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AIA - KHOẺ TRỌN VẸN – KẾ HOẠCH TỐI ƯU

##### A. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM RỦI RO

| QUYỀN LỢI                                                                                                                        | CHI TIẾT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>BẢO VỆ TOÀN DIỆN TRƯỚC MỌI RỦI RO (quyền lợi được đảm bảo)</b>                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Thương tật toàn bộ vĩnh viễn (TTTBVV) trước khi đạt 75 tuổi hoặc từ ngày đạt 75 tuổi cho đến trước Ngày kỷ niệm hợp đồng kế tiếp | <ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Quyền lợi bảo hiểm TTTBVV do ung thư tuyến giáp:</b><ul style="list-style-type: none"><li>o Quyền lợi bảo hiểm TTTBVV do ung thư tuyến giáp giai đoạn sớm: Nhận được <b>200.000.000 đồng</b> cho dù NĐBH có nhiều hơn một Hợp đồng bảo hiểm (HĐBH), sản phẩm bảo hiểm đang có hiệu lực tại AIA Việt Nam.<br/>Lưu ý: Số tiền này sẽ được khấu trừ trước khi chi trả quyền lợi bảo hiểm TTTBVV do ung thư tuyến giáp giai đoạn nghiêm trọng.</li><li>o Quyền lợi bảo hiểm TTTBVV do ung thư tuyến giáp giai đoạn nghiêm trọng: Nhận số lớn hơn của <b>(2.000.000.000 đồng và Giá trị tài khoản hợp đồng)</b> – Quyền lợi bảo hiểm TTTBVV do ung thư tuyến giáp giai đoạn sớm đã chi trả (nếu có).</li></ul></li><li>• <b>Quyền lợi bảo hiểm TTTBVV không do ung thư tuyến giáp:</b> Nhận số lớn hơn của <b>2.000.000.000 đồng và Giá trị tài khoản hợp đồng</b>.</li></ul> |
| Tử vong                                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"><li>• Nhận số lớn hơn của <b>2.000.000.000 đồng và Giá trị tài khoản hợp đồng</b>.</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 5 | 25**

2.1.0.0 | 21062019

112802095530601

## AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

### TÓM TẮT THÔNG TIN QUYỀN LỢI SẢN PHẨM

#### B. QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

| QUYỀN LỢI                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | CHI TIẾT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |              |               |               |              |                                           |              |               |               |                                              |       |      |      |      |      |      |      |      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------|---------------|--------------|-------------------------------------------|--------------|---------------|---------------|----------------------------------------------|-------|------|------|------|------|------|------|------|
| THIẾT LẬP KHOẢN TIẾT KIỆM MONG MUỐN                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |              |               |               |              |                                           |              |               |               |                                              |       |      |      |      |      |      |      |      |
| Đầu tư cùng Quỹ liên kết chung                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"><li>Quỹ liên kết chung có chiến lược đầu tư thận trọng và dài hạn nhằm mục tiêu đạt được lợi nhuận đầu tư ổn định, đồng thời đảm bảo khả năng thanh toán.</li><li>Tỷ lệ phân bổ phí bảo hiểm vào giá trị tài khoản để hưởng quyền lợi đầu tư như sau</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                    |              |               |               |              |                                           |              |               |               |                                              |       |      |      |      |      |      |      |      |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <table><tr><td>Năm đóng phí</td><td>1</td><td>2-10</td><td>Từ 11 trở đi</td></tr><tr><td>Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm cơ bản</td><td>90%</td><td>Không áp dụng</td><td>Không áp dụng</td></tr><tr><td>Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm đóng thêm</td><td colspan="2">98,5%</td><td>100%</td></tr></table>                                                                                                                                                                                                                                                                   | Năm đóng phí | 1             | 2-10          | Từ 11 trở đi | Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm cơ bản | 90%          | Không áp dụng | Không áp dụng | Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm đóng thêm | 98,5% |      | 100% |      |      |      |      |      |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Năm đóng phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1            | 2-10          | Từ 11 trở đi  |              |                                           |              |               |               |                                              |       |      |      |      |      |      |      |      |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm cơ bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 90%          | Không áp dụng | Không áp dụng |              |                                           |              |               |               |                                              |       |      |      |      |      |      |      |      |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Tỷ lệ phân bổ đối với phí bảo hiểm đóng thêm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 98,5%        |               | 100%          |              |                                           |              |               |               |                                              |       |      |      |      |      |      |      |      |
| <ul style="list-style-type: none"><li>Quyền lợi đầu tư bảo đảm: Công ty áp dụng mức lãi suất cam kết tối thiểu như sau:</li></ul>                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |              |               |               |              |                                           |              |               |               |                                              |       |      |      |      |      |      |      |      |
| <table><tr><td>Năm hợp đồng</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>Từ 6 đến 10</td><td>Từ 11 đến 15</td><td>Từ 16 trở đi</td></tr><tr><td>Lãi suất cam kết tối thiểu</td><td>3,5%</td><td>3,0%</td><td>3,0%</td><td>2,0%</td><td>2,0%</td><td>1,5%</td><td>1,0%</td><td>0,5%</td></tr></table> | Năm hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1            | 2             | 3             | 4            | 5                                         | Từ 6 đến 10  | Từ 11 đến 15  | Từ 16 trở đi  | Lãi suất cam kết tối thiểu                   | 3,5%  | 3,0% | 3,0% | 2,0% | 2,0% | 1,5% | 1,0% | 0,5% |
| Năm hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2            | 3             | 4             | 5            | Từ 6 đến 10                               | Từ 11 đến 15 | Từ 16 trở đi  |               |                                              |       |      |      |      |      |      |      |      |
| Lãi suất cam kết tối thiểu                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3,5%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3,0%         | 3,0%          | 2,0%          | 2,0%         | 1,5%                                      | 1,0%         | 0,5%          |               |                                              |       |      |      |      |      |      |      |      |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <ul style="list-style-type: none"><li>Quyền lợi đầu tư không bảo đảm: Tùy theo kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, lãi suất tích lũy của khách hàng có thể thay đổi tăng hoặc giảm nhưng không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.<br/>Mức lãi suất tích lũy sẽ được Công ty công bố hàng tháng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Khách hàng tham khảo thông tin và báo cáo về hoạt động của quỹ tại đường dẫn <a href="http://www.aia.com.vn/vi/san-pham/lai-suât-va-gia-don-vi-quy.html">www.aia.com.vn/vi/san-pham/lai-suât-va-gia-don-vi-quy.html</a></li></ul> |              |               |               |              |                                           |              |               |               |                                              |       |      |      |      |      |      |      |      |
| Đáo hạn<br>(quyền lợi được bảo đảm)                                                                                                                                                                                                                                                                               | Nhận toàn bộ giá trị tài khoản (GTTK) của hợp đồng tính tại thời điểm đáo hạn nếu HĐBH còn hiệu lực và NĐBH còn sống vào thời điểm đáo hạn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |              |               |               |              |                                           |              |               |               |                                              |       |      |      |      |      |      |      |      |

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 6 | 25**

2.1.0.0 | 21062019

112802095530601

## AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

### TÓM TẮT THÔNG TIN QUYỀN LỢI SẢN PHẨM

#### C. QUYỀN LỢI KHÁC

| QUYỀN LỢI                                                                                                                                                                    | CHI TIẾT                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                              |                                                              |                                  |    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------|----|
| THƯỞNG DUY TRÌ HỢP ĐỒNG                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                              |                                                              |                                  |    |
| Thưởng duy trì hợp đồng<br>(quyền lợi được bảo đảm có điều kiện)                                                                                                             | <ul style="list-style-type: none"><li>Khoản thưởng duy trì hợp đồng được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) của Giá trị trung bình phí bảo hiểm cơ bản thực đóng hàng năm tính đến Thời điểm nhận thưởng, được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản như sau:</li></ul> |                                                              |                                                              |                                  |    |
|                                                                                                                                                                              | <table><tr><th>Thời điểm nhận thưởng</th><th>Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng<br/>(% Phí bảo hiểm cơ bản)</th></tr><tr><td>Tại Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10</td><td>5%</td></tr></table>                                                                         | Thời điểm nhận thưởng                                        | Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng<br>(% Phí bảo hiểm cơ bản) | Tại Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10 | 5% |
|                                                                                                                                                                              | Thời điểm nhận thưởng                                                                                                                                                                                                                                             | Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng<br>(% Phí bảo hiểm cơ bản) |                                                              |                                  |    |
|                                                                                                                                                                              | Tại Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 10                                                                                                                                                                                                                                  | 5%                                                           |                                                              |                                  |    |
| Điều kiện tính đến thời điểm nhận thưởng:                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                              |                                                              |                                  |    |
| <ul style="list-style-type: none"><li>(i) Hợp đồng bảo hiểm chưa từng mất hiệu lực; và</li><li>(ii) Không có bất kỳ giao dịch rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản</li></ul> |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                              |                                                              |                                  |    |

## AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

### TÓM TẮT THÔNG TIN QUYỀN LỢI SẢN PHẨM

#### THƯỞNG GIA TĂNG GIÁ TRỊ BẢO VỆ VỚI AIA VITALITY (Quyền lợi thay đổi theo mức độ sống khỏe của Khách hàng)

Nhận Quyền lợi thưởng gia tăng bảo vệ AIA Vitality khi tham gia sản phẩm này và NĐBH đăng ký là thành viên hoặc đang là thành viên có hiệu lực của Chương Trình AIA Vitality Việt Nam.

AIA Vitality có 4 Hạng Thành Viên (Đồng, Bạc, Vàng, Bạch Kim), phụ thuộc vào tổng số điểm mà thành viên tích lũy được trong mỗi năm thành viên.

- Khi khách hàng thỏa các điều kiện được quy định trong Quy Tắc và Điều Khoản, khách hàng được nhận: Số lớn hơn của tổng (**2.000.000.000 đồng** + Quyền lợi thưởng gia tăng bảo vệ AIA Vitality) và Giá trị tài khoản. Trong đó, Quyền lợi thưởng gia tăng bảo vệ AIA Vitality = Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ x (nhân với) **2.000.000.000 đồng**
- Vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng, Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ có thể thay đổi tùy thuộc vào Hạng Thành Viên AIA Vitality năm trước đó. Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ bắt đầu bằng 0% tại thời điểm tham gia hợp đồng và sẽ được cộng dồn hàng năm theo mức thay đổi như quy định dưới đây, nhưng không vượt quá 20% trong mọi trường hợp.

|                                               | Mất hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm và/hoặc Tư cách thành viên AIA Vitality | Hạng thành viên AIA Vitality |     |         |          |
|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----|---------|----------|
|                                               |                                                                            | Đồng                         | Bạc | Vàng    | Bạch kim |
| Mức thay đổi của Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ | 0%                                                                         | 0%                           | 0%  | Tăng 1% | Tăng 2%  |

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 8 | 25**

2.1.0.0 | 21062019

112802095530601



## QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Thay đổi STBH.
- Đảm bảo gia tăng Số tiền bảo hiểm cho các sự kiện quan trọng (kết hôn, sinh con, nhận con nuôi).
- Khách hàng có quyền rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng như sau:
  - o Vào bất kỳ thời điểm nào từ Giá trị tài khoản đóng thêm sau khi kết thúc thời gian cân nhắc; hoặc
  - o Kể từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 2 trở đi từ Giá trị tài khoản cơ bản. Khi đó, yêu cầu rút tiền sẽ được thực hiện từ Giá trị tài khoản đóng thêm trước, sau đó đến Giá trị tài khoản cơ bản nếu số tiền yêu cầu rút lớn hơn Giá trị tài khoản đóng thêm.
- Tích lũy thêm: Bên mua bảo hiểm được quyền tích lũy thêm bất cứ lúc nào bằng phí đóng thêm. Lưu ý Tổng phí đóng thêm trong mỗi năm hợp đồng không vượt quá phí bảo hiểm cơ bản.

*Ghi chú: Vui lòng tham khảo thêm Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm để có thông tin đầy đủ về các điều khoản và điều kiện nêu trên*

## 2. ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

| ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Loại trừ bảo hiểm   | <ul style="list-style-type: none"><li>Công ty sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra do bất cứ trường hợp nào được quy định cụ thể tại Quy tắc và Điều khoản (các) sản phẩm bảo hiểm mà khách hàng tham gia. Quy tắc và Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm này được công bố trên trang thông tin điện tử <a href="http://www.aia.com.vn">www.aia.com.vn</a></li></ul> |

Bảng Minh Hoa Mẫu

## AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

### TÓM TẮT CÁC LOẠI PHÍ

| CÁC LOẠI PHÍ                                                            | CHI TIẾT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                |                    |               |                    |                                           |     |               |                                                                      |                                     |      |      |               |    |    |                                                                         |    |  |  |  |  |  |
|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------|---------------|--------------------|-------------------------------------------|-----|---------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------|------|---------------|----|----|-------------------------------------------------------------------------|----|--|--|--|--|--|
| Phí bảo hiểm rủi ro                                                     | Phí bảo hiểm rủi ro được dùng để chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại hợp đồng bảo hiểm. Phí bảo hiểm rủi ro được khấu trừ từ Giá trị tài khoản hợp đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                |                    |               |                    |                                           |     |               |                                                                      |                                     |      |      |               |    |    |                                                                         |    |  |  |  |  |  |
| Phí ban đầu                                                             | Là phí được khấu trừ từ phí bảo hiểm cơ bản và phí đóng thêm trước khi phân bổ vào Quỹ liên kết chung.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                |                    |               |                    |                                           |     |               |                                                                      |                                     |      |      |               |    |    |                                                                         |    |  |  |  |  |  |
|                                                                         | <table><tr><td>Năm đóng phí</td><td>1</td><td>2-10</td><td>Từ 11+</td></tr><tr><td>Tỷ lệ phí ban đầu (% Phí bảo hiểm cơ bản)</td><td>10%</td><td>Không áp dụng</td><td>Không áp dụng</td></tr><tr><td>Tỷ lệ phí ban đầu (% Phí đóng thêm)</td><td colspan="2">1,5%</td><td>Không áp dụng</td></tr></table>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Năm đóng phí   | 1                  | 2-10          | Từ 11+             | Tỷ lệ phí ban đầu (% Phí bảo hiểm cơ bản) | 10% | Không áp dụng | Không áp dụng                                                        | Tỷ lệ phí ban đầu (% Phí đóng thêm) | 1,5% |      | Không áp dụng |    |    |                                                                         |    |  |  |  |  |  |
|                                                                         | Năm đóng phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1              | 2-10               | Từ 11+        |                    |                                           |     |               |                                                                      |                                     |      |      |               |    |    |                                                                         |    |  |  |  |  |  |
|                                                                         | Tỷ lệ phí ban đầu (% Phí bảo hiểm cơ bản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 10%            | Không áp dụng      | Không áp dụng |                    |                                           |     |               |                                                                      |                                     |      |      |               |    |    |                                                                         |    |  |  |  |  |  |
| Tỷ lệ phí ban đầu (% Phí đóng thêm)                                     | 1,5%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                | Không áp dụng      |               |                    |                                           |     |               |                                                                      |                                     |      |      |               |    |    |                                                                         |    |  |  |  |  |  |
|                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                |                    |               |                    |                                           |     |               |                                                                      |                                     |      |      |               |    |    |                                                                         |    |  |  |  |  |  |
| Phí quản lý hợp đồng (Phí QLHĐ)                                         | <p>Là khoản phí để Công ty thực hiện công việc liên quan đến quản lý, duy trì và cung cấp thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và được khấu trừ hàng tháng. Phí quản lý hợp đồng được xác định theo năm dương lịch tại thời điểm khấu trừ theo lộ trình như sau:</p> <table><tr><td>Năm dương lịch</td><td>2025 – 2029</td><td>2030 – 2034</td><td>Từ năm 2035 trở đi</td></tr><tr><td>Phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)</td><td>40</td><td>50</td><td>60</td></tr></table> <p>Phí quản lý hợp đồng có thể thay đổi nếu có sự chấp thuận của Bộ Tài chính. Công ty sẽ thông báo đến Bên mua bảo hiểm ít nhất 03 tháng trước khi áp dụng.</p>                                            | Năm dương lịch | 2025 – 2029        | 2030 – 2034   | Từ năm 2035 trở đi | Phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)    | 40  | 50            | 60                                                                   |                                     |      |      |               |    |    |                                                                         |    |  |  |  |  |  |
| Năm dương lịch                                                          | 2025 – 2029                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2030 – 2034    | Từ năm 2035 trở đi |               |                    |                                           |     |               |                                                                      |                                     |      |      |               |    |    |                                                                         |    |  |  |  |  |  |
| Phí quản lý hợp đồng (ngàn đồng/tháng)                                  | 40                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 50             | 60                 |               |                    |                                           |     |               |                                                                      |                                     |      |      |               |    |    |                                                                         |    |  |  |  |  |  |
| Phí quản lý quỹ                                                         | <p>Phí quản lý quỹ được khấu trừ trước khi Công ty công bố Lãi suất tích lũy. Phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung.</p> <p>Mức phí quản lý quỹ tối đa có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận. Nếu có sự thay đổi liên quan đến Phí quản lý quỹ, Công ty sẽ thông báo đến Bên mua bảo hiểm bằng văn bản ít nhất 03 tháng trước khi áp dụng.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                |                    |               |                    |                                           |     |               |                                                                      |                                     |      |      |               |    |    |                                                                         |    |  |  |  |  |  |
| Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn                                         | <p>Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn được tính bằng phần trăm phí bảo hiểm cơ bản năm đầu tiên như sau:</p> <table><tr><td>Năm hợp đồng</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6+</td></tr><tr><td>Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn (% phí bảo hiểm cơ bản năm đầu tiên)</td><td>10%</td><td>10%</td><td>4,5%</td><td>3%</td><td>2%</td><td>0%</td></tr><tr><td>Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn (% phí bảo hiểm đóng thêm năm đầu tiên)</td><td colspan="6">0%</td></tr></table> <p>Lưu ý: Giá trị hoàn lại của hợp đồng tại thời điểm chấm dứt hợp đồng trước hạn có thể không bằng giá trị tài khoản hiển thị trong trường hợp phí chấm dứt hợp đồng trước hạn được áp dụng</p> | Năm hợp đồng   | 1                  | 2             | 3                  | 4                                         | 5   | 6+            | Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn (% phí bảo hiểm cơ bản năm đầu tiên) | 10%                                 | 10%  | 4,5% | 3%            | 2% | 0% | Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn (% phí bảo hiểm đóng thêm năm đầu tiên) | 0% |  |  |  |  |  |
| Năm hợp đồng                                                            | 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2              | 3                  | 4             | 5                  | 6+                                        |     |               |                                                                      |                                     |      |      |               |    |    |                                                                         |    |  |  |  |  |  |
| Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn (% phí bảo hiểm cơ bản năm đầu tiên)    | 10%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 10%            | 4,5%               | 3%            | 2%                 | 0%                                        |     |               |                                                                      |                                     |      |      |               |    |    |                                                                         |    |  |  |  |  |  |
| Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn (% phí bảo hiểm đóng thêm năm đầu tiên) | 0%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                |                    |               |                    |                                           |     |               |                                                                      |                                     |      |      |               |    |    |                                                                         |    |  |  |  |  |  |
| Phí rút tiền từ Giá trị tài khoản                                       | Không có                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                |                    |               |                    |                                           |     |               |                                                                      |                                     |      |      |               |    |    |                                                                         |    |  |  |  |  |  |



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,  
HẠNH PHÚC HƠN

## AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG TÓM TẮT CÁC LOẠI PHÍ

Các loại phí nêu trên có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận

Bảng Minh Hoa Mẫu

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 12 | 25**

2.1.0.0 | 21062019

112802095530601

## AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG

### THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

1. Mục tiêu và chính sách đầu tư: đầu tư thận trọng và dài hạn nhằm mục tiêu đạt được lợi nhuận đầu tư ổn định đồng thời đảm bảo khả năng thanh toán.
2. Cơ cấu tài sản đầu tư: Nhằm đảm bảo chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ liên kết chung, Công ty sẽ lựa chọn đầu tư vào các tài sản đầu tư có khả năng mang lại lợi nhuận ổn định như trái phiếu chính phủ, trái phiếu đô thị, trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và các kênh đầu tư khác.
3. Lãi suất tích lũy được công bố trong 5 năm gần nhất:

| Năm      | Lãi suất tích lũy |
|----------|-------------------|
| Năm 2020 | 5,13%             |
| Năm 2021 | 4,86%             |
| Năm 2022 | 4,23%             |
| Năm 2023 | 4,93%             |
| Năm 2024 | 4,79%             |

Ghi chú: Kết quả hoạt động của Quỹ liên kết chung trong quá khứ chỉ cho mục đích tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo chắc chắn về kết quả hoạt động trong tương lai.

4. Phí quản lý quỹ tối đa là 2%/ năm tính trên giá trị tài sản đầu tư của Quỹ liên kết chung.
5. Vui lòng tham khảo Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm để có thông tin chi tiết về quyền lợi đầu tư của sản phẩm bảo hiểm.

#### Lưu ý:

Mức lãi suất tích lũy dự kiến thể hiện trong các bảng minh họa bên dưới là mức lãi suất đã trừ phí quản lý quỹ và chỉ mang tính tham khảo. **Trong trường hợp mức lãi suất dự kiến thấp hơn lãi suất Công ty cam kết tại năm hợp đồng, quyền lợi bảo hiểm của năm đó sẽ được minh họa dựa trên mức lãi suất cam kết tối thiểu.**

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 13 | 25**

2.1.0.0 | 21062019

112802095530601

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG**  
**MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ**  
**TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

| Năm<br>HĐ | Phí BH sản phẩm BHNT |                           |                | Phí BH<br>sản<br>phẩm<br>BHBK | Phí ban đầu      |                        |                           | Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư                  |                                                        |                                    | Phí<br>quản<br>lý<br>hợp<br>đồng | Phí bảo hiểm rủi ro sản<br>phẩm BHNT |                         |                         |
|-----------|----------------------|---------------------------|----------------|-------------------------------|------------------|------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
|           | Phí<br>BH<br>cơ bản  | Phí<br>BH<br>đóng<br>thêm | Tổng phí<br>BH |                               | Phí BH<br>cơ bản | Phí BH<br>đóng<br>thêm | Tổng<br>phí<br>ban<br>đầu | Phí BH cơ<br>bản sau khi<br>khấu trừ phí<br>ban đầu | Phí BH đóng<br>thêm sau khi<br>khấu trừ phí<br>ban đầu | Tổng<br>phí BH<br>đem đi<br>đầu tư |                                  | Mức<br>lãi suất<br>cam<br>kết        | Mức<br>lãi suất<br>3,0% | Mức<br>lãi suất<br>4,7% |
| 1         | 293.200              |                           | 293.200        |                               | 29.320           |                        | 29.320                    | 263.880                                             |                                                        | 263.880                            | 480                              | 4.179                                | 4.179                   | 4.176                   |
| 2         |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 480                              | 4.464                                | 4.464                   | 4.451                   |
| 3         |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 480                              | 4.733                                | 4.733                   | 4.705                   |
| 4         |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 480                              | 5.057                                | 5.053                   | 5.009                   |
| 5         |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 600                              | 5.420                                | 5.408                   | 5.343                   |
| 6         |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 600                              | 5.787                                | 5.762                   | 5.674                   |
| 7         |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 600                              | 6.211                                | 6.169                   | 6.053                   |
| 8         |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 600                              | 6.673                                | 6.611                   | 6.462                   |
| 9         |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 600                              | 7.190                                | 7.105                   | 6.917                   |
| 10        |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 720                              | 7.782                                | 7.669                   | 7.435                   |
| 11        |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 720                              | 8.312                                | 8.165                   | 7.877                   |
| 12        |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 720                              | 8.918                                | 8.728                   | 8.378                   |
| 13        |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 720                              | 9.532                                | 9.295                   | 8.875                   |
| 14        |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 720                              | 10.137                               | 9.848                   | 9.351                   |
| 15        |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 720                              | 10.734                               | 10.389                  | 9.808                   |
| 16        |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 720                              | 11.415                               | 11.004                  | 10.325                  |
| 17        |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 720                              | 12.238                               | 11.746                  | 10.950                  |
| 18        |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 720                              | 13.257                               | 12.669                  | 11.731                  |
| 19        |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 720                              | 14.552                               | 13.847                  | 12.731                  |
| 20        |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 720                              | 16.133                               | 15.288                  | 13.951                  |

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 14 | 25**

2.1.0.0 | 21062019

112802095530601

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG  
MINH HỌA PHÂN BỐ PHÍ  
TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

| Năm<br>HĐ                                                                                                                                                                                                                                                                         | Phí BH sản phẩm BHNT |                           |                | Phí BH<br>sản<br>phẩm<br>BHBK | Phí ban đầu      |                        |                           | Phí BH sản phẩm BHNT đem đi đầu tư                  |                                                        |                                    | Phí<br>quản<br>lý<br>hợp<br>đồng | Phí bảo hiểm rủi ro sản<br>phẩm BHNT |                         |                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------|----------------|-------------------------------|------------------|------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Phí<br>BH<br>cơ bản  | Phí<br>BH<br>đóng<br>thêm | Tổng phí<br>BH |                               | Phí BH<br>cơ bản | Phí BH<br>đóng<br>thêm | Tổng<br>phí<br>ban<br>đầu | Phí BH cơ<br>bản sau khi<br>khấu trừ phí<br>ban đầu | Phí BH đóng<br>thêm sau khi<br>khấu trừ phí<br>ban đầu | Tổng<br>phí BH<br>đem đi<br>đầu tư |                                  | Mức<br>lãi suất<br>cam<br>kết        | Mức<br>lãi suất<br>3,0% | Mức<br>lãi suất<br>4,7% |
| Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên.<br>Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 0.5%) |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    |                                  |                                      |                         |                         |
| 21                                                                                                                                                                                                                                                                                |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 720                              | 17.940                               | 16.960                  | 15.410                  |
| 25                                                                                                                                                                                                                                                                                |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 720                              | 26.465                               | 24.992                  | 22.658                  |
| 27                                                                                                                                                                                                                                                                                |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 720                              | (*)                                  | 30.439                  | 27.568                  |
| 30                                                                                                                                                                                                                                                                                |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | 720                              |                                      | (*)                     | 40.267                  |
| 34                                                                                                                                                                                                                                                                                |                      |                           |                |                               |                  |                        |                           |                                                     |                                                        |                                    | (*)                              |                                      |                         | (*)                     |

(\*) Hợp đồng mất hiệu lực khi Giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0.

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG  
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT  
TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

| Năm<br>HĐ | Tuổi<br>NĐ<br>BH | Tổng phí<br>bảo hiểm<br>sản phẩm<br>BHNT | Phí sản<br>phẩm<br>BHNT<br>đem đi<br>đầu tư | Phí bảo<br>hiểm sản<br>phẩm<br>BHBK | Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết         |                            |                |                   |                  |                                     |
|-----------|------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------|----------------|-------------------|------------------|-------------------------------------|
|           |                  |                                          |                                             |                                     | Quyền lợi<br>TTTB&VV<br>(trước 75 tuổi)/<br>Tử vong | Thưởng duy<br>trì hợp đồng | GTTK cơ<br>bản | GTTK đóng<br>thêm | GTTK hợp<br>đồng | Giá trị hoàn<br>lại của hợp<br>đồng |
| 1         | 44               | 293.200                                  | 263.880                                     |                                     | 2.000.000                                           |                            | 268.369        |                   | 268.369          | 239.049                             |
| 2         | 45               |                                          |                                             |                                     | 2.000.000                                           |                            | 271.396        |                   | 271.396          | 242.076                             |
| 3         | 46               |                                          |                                             |                                     | 2.000.000                                           |                            | 274.240        |                   | 274.240          | 261.046                             |
| 4         | 47               |                                          |                                             |                                     | 2.000.000                                           |                            | 274.128        |                   | 274.128          | 265.332                             |
| 5         | 48               |                                          |                                             |                                     | 2.000.000                                           |                            | 273.526        |                   | 273.526          | 267.662                             |
| 6         | 49               |                                          |                                             |                                     | 2.000.000                                           |                            | 271.189        |                   | 271.189          | 271.189                             |
| 7         | 50               |                                          |                                             |                                     | 2.000.000                                           |                            | 268.391        |                   | 268.391          | 268.391                             |
| 8         | 51               |                                          |                                             |                                     | 2.000.000                                           |                            | 265.085        |                   | 265.085          | 265.085                             |
| 9         | 52               |                                          |                                             |                                     | 2.000.000                                           |                            | 261.208        |                   | 261.208          | 261.208                             |
| 10        | 53               |                                          |                                             |                                     | 2.000.000                                           | 14.660                     | 271.215        |                   | 271.215          | 271.215                             |
| 11        | 54               |                                          |                                             |                                     | 2.000.000                                           |                            | 264.846        |                   | 264.846          | 264.846                             |
| 12        | 55               |                                          |                                             |                                     | 2.000.000                                           |                            | 257.804        |                   | 257.804          | 257.804                             |
| 13        | 56               |                                          |                                             |                                     | 2.000.000                                           |                            | 250.075        |                   | 250.075          | 250.075                             |
| 14        | 57               |                                          |                                             |                                     | 2.000.000                                           |                            | 241.660        |                   | 241.660          | 241.660                             |
| 15        | 58               |                                          |                                             |                                     | 2.000.000                                           |                            | 232.561        |                   | 232.561          | 232.561                             |
| 16        | 59               |                                          |                                             |                                     | 2.000.000                                           |                            | 221.555        |                   | 221.555          | 221.555                             |
| 17        | 60               |                                          |                                             |                                     | 2.000.000                                           |                            | 209.670        |                   | 209.670          | 209.670                             |
| 18        | 61               |                                          |                                             |                                     | 2.000.000                                           |                            | 196.704        |                   | 196.704          | 196.704                             |
| 19        | 62               |                                          |                                             |                                     | 2.000.000                                           |                            | 182.375        |                   | 182.375          | 182.375                             |
| 20        | 63               |                                          |                                             |                                     | 2.000.000                                           |                            | 166.388        |                   | 166.388          | 166.388                             |
| 25        | 68               |                                          |                                             |                                     | 2.000.000                                           |                            | 55.139         |                   | 55.139           | 55.139                              |

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 16 | 25**

2.1.0.0 | 21062019

112802095530601



**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG  
MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT  
TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

| Năm<br>HĐ | Tuổi<br>NĐ<br>BH | Tổng phí<br>bảo hiểm<br>sản phẩm<br>BHNT | Phí sản<br>phẩm<br>BHNT<br>đem đi<br>đầu tư | Phí bảo<br>hiểm sản<br>phẩm<br>BHBK | Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất cam kết         |                            |                |                   |                  |                                     |
|-----------|------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------|----------------|-------------------|------------------|-------------------------------------|
|           |                  |                                          |                                             |                                     | Quyền lợi<br>TTTB&VV<br>(trước 75 tuổi)/<br>Tử vong | Thưởng duy<br>trì hợp đồng | GTTK cơ<br>bản | GTTK đóng<br>thêm | GTTK hợp<br>đồng | Giá trị hoàn<br>lại của hợp<br>đồng |
| 27        | 70               |                                          |                                             |                                     |                                                     |                            | (*)            | (*)               | (*)              | (*)                                 |

(\*) Hợp đồng mất hiệu lực khi giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0. Trong trường hợp minh họa đóng phí trong thời gian đóng phí bắt buộc, Hợp đồng có khả năng mất hiệu lực vào năm hợp đồng thứ 27 với lãi suất cam kết.

Bảng Minh Họa Mẫu

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 17 | 25**

2.1.0.0 | 21062019

112802095530601



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,  
HẠNH PHÚC HƠN

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG**  
**MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN**  
**TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

| Năm<br>HĐ | Tuổi<br>NĐ<br>BH | Tổng<br>phí<br>bảo<br>hiểm<br>sản<br>phẩm<br>BHNT | Phí sản<br>phẩm<br>BHNT<br>đem đi<br>đầu tư | Phí<br>bảo<br>hiểm<br>sản<br>phẩm<br>BHBK | Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,0%                     |                                  |                |                      |                     |                                           | Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,7%                     |                                  |                |                      |                     |                                              |
|-----------|------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------|----------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------|----------------------|---------------------|----------------------------------------------|
|           |                  |                                                   |                                             |                                           | Quyền<br>lợi<br>TTTBV<br>V<br>(trước<br>75 tuổi)/<br>Tỷ vong | Thưởng<br>duy trì<br>hợp<br>đồng | GTTK<br>cơ bản | GTTK<br>đóng<br>thêm | GTTK<br>hợp<br>đồng | Giá trị<br>hoàn<br>lại của<br>hợp<br>đồng | Quyền<br>lợi<br>TTTBV<br>V<br>(trước<br>75 tuổi)/<br>Tỷ vong | Thưởng<br>duy trì<br>hợp<br>đồng | GTTK<br>cơ bản | GTTK<br>đóng<br>thêm | GTTK<br>hợp<br>đồng | Giá<br>trị<br>hoàn<br>lại của<br>hợp<br>đồng |
| 1         | 44               | 293.200                                           | 263.880                                     |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 268.369        |                      | 268.369             | 239.049                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 271.509        |                      | 271.509             | 242.189                                      |
| 2         | 45               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 271.396        |                      | 271.396             | 242.076                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 279.214        |                      | 279.214             | 249.894                                      |
| 3         | 46               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 274.240        |                      | 274.240             | 261.046                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 287.021        |                      | 287.021             | 273.827                                      |
| 4         | 47               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 276.845        |                      | 276.845             | 268.049                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 294.883        |                      | 294.883             | 286.087                                      |
| 5         | 48               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 279.045        |                      | 279.045             | 273.181                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 302.649        |                      | 302.649             | 296.785                                      |
| 6         | 49               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 280.951        |                      | 280.951             | 280.951                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 310.441        |                      | 310.441             | 310.441                                      |
| 7         | 50               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 282.501        |                      | 282.501             | 282.501                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 318.210        |                      | 318.210             | 318.210                                      |
| 8         | 51               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 283.649        |                      | 283.649             | 283.649                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 325.926        |                      | 325.926             | 325.926                                      |
| 9         | 52               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 284.329        |                      | 284.329             | 284.329                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 333.538        |                      | 333.538             | 333.538                                      |
| 10        | 53               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    | 14.660                           | 298.994        |                      | 298.994             | 298.994                                   | 2.000.000                                                    | 14.660                           | 355.513        |                      | 355.513             | 355.513                                      |
| 11        | 54               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 298.935        |                      | 298.935             | 298.935                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 363.408        |                      | 363.408             | 363.408                                      |
| 12        | 55               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 298.302        |                      | 298.302             | 298.302                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 371.160        |                      | 371.160             | 371.160                                      |
| 13        | 56               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 297.074        |                      | 297.074             | 297.074                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 378.767        |                      | 378.767             | 378.767                                      |
| 14        | 57               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 295.247        |                      | 295.247             | 295.247                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 386.243        |                      | 386.243             | 386.243                                      |
| 15        | 58               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 292.816        |                      | 292.816             | 292.816                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 393.602        |                      | 393.602             | 393.602                                      |
| 16        | 59               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 289.687        |                      | 289.687             | 289.687                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 400.778        |                      | 400.778             | 400.778                                      |
| 17        | 60               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 285.711        |                      | 285.711             | 285.711                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 407.649        |                      | 407.649             | 407.649                                      |
| 18        | 61               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 280.677        |                      | 280.677             | 280.677                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 414.043        |                      | 414.043             | 414.043                                      |

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 18 | 25**

2.1.0.0 | 21062019

112802095530601



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,  
HẠNH PHÚC HƠN

**AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG**  
**MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM TẠI MỨC LÃI SUẤT DỰ KIẾN**  
**TRONG THỜI GIAN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC**

Đơn vị: ngàn đồng

| Năm<br>HĐ                                                                                                                                                                                                                                                                         | Tuổi<br>NĐ<br>BH | Tổng<br>phí<br>bảo<br>hiểm<br>sản<br>phẩm<br>BHNT | Phí sản<br>phẩm<br>BHNT<br>đem đi<br>đầu tư | Phí<br>bảo<br>hiểm<br>sản<br>phẩm<br>BHBK | Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 3,0%                     |                                  |                |                      |                     |                                           | Quyền lợi minh họa tại mức lãi suất 4,7%                     |                                  |                |                      |                     |                                              |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------|----------------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------|----------------|----------------------|---------------------|----------------------------------------------|
|                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                  |                                                   |                                             |                                           | Quyền<br>lợi<br>TTTBV<br>V<br>(trước<br>75 tuổi)/<br>Tỷ vong | Thưởng<br>duy trì<br>hợp<br>đồng | GTTK<br>cơ bản | GTTK<br>đóng<br>thêm | GTTK<br>hợp<br>đồng | Giá trị<br>hoàn<br>lại của<br>hợp<br>đồng | Quyền<br>lợi<br>TTTBV<br>V<br>(trước<br>75 tuổi)/<br>Tỷ vong | Thưởng<br>duy trì<br>hợp<br>đồng | GTTK<br>cơ bản | GTTK<br>đóng<br>thêm | GTTK<br>hợp<br>đồng | Giá<br>trị<br>hoàn<br>lại của<br>hợp<br>đồng |
| 19                                                                                                                                                                                                                                                                                | 62               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 274.294        |                      | 274.294             | 274.294                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 419.712        |                      | 419.712             | 419.712                                      |
| 20                                                                                                                                                                                                                                                                                | 63               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 266.256        |                      | 266.256             | 266.256                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 424.396        |                      | 424.396             | 424.396                                      |
| Theo quy định của Bộ Tài chính, việc minh họa sản phẩm bảo hiểm liên kết chung theo mức lãi suất dự kiến chỉ được thể hiện cho 20 năm hợp đồng đầu tiên.<br>Minh họa kể từ năm hợp đồng 21 dựa trên mức lãi suất cam kết (mức lãi suất cam kết từ năm hợp đồng 21 trở đi là 0.5%) |                  |                                                   |                                             |                                           |                                                              |                                  |                |                      |                     |                                           |                                                              |                                  |                |                      |                     |                                              |
| 21                                                                                                                                                                                                                                                                                | 64               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 249.859        |                      | 249.859             | 249.859                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 410.345        |                      | 410.345             | 410.345                                      |
| 25                                                                                                                                                                                                                                                                                | 68               |                                                   |                                             |                                           | 2.000.000                                                    |                                  | 163.698        |                      | 163.698             | 163.698                                   | 2.000.000                                                    |                                  | 335.601        |                      | 335.601             | 335.601                                      |
| 30                                                                                                                                                                                                                                                                                | 73               |                                                   |                                             |                                           |                                                              |                                  | (*)            | (*)                  | (*)                 | (*)                                       | 2.000.000                                                    |                                  | 179.860        |                      | 179.860             | 179.860                                      |
| 34                                                                                                                                                                                                                                                                                | 77               |                                                   |                                             |                                           |                                                              |                                  |                |                      |                     |                                           |                                                              |                                  | (*)            | (*)                  | (*)                 | (*)                                          |

(\*) Hợp đồng mất hiệu lực khi Giá trị tài khoản nhỏ hơn hoặc bằng 0. Trong trường hợp minh họa đóng phí trong thời gian đóng phí bắt buộc, Hợp đồng có khả năng mất hiệu lực vào năm hợp đồng thứ 30 với lãi suất minh họa 3,0%, mất hiệu lực vào năm hợp đồng thứ 34 với lãi suất minh họa 4,7%.



**Ghi chú:**

1. Giá trị tài khoản cơ bản, Khoản thưởng duy trì hợp đồng và Giá trị tài khoản đóng thêm được tính tại cuối mỗi năm hợp đồng. Giá trị tài khoản được minh họa dựa trên phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn.
2. Lãi suất tích lũy dự kiến chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.
3. Giá trị tài khoản hợp đồng có liên hệ chặt chẽ với quyền lợi bảo hiểm của khách hàng, khách hàng cần hiểu rõ các quyền lợi trong hợp đồng, thời gian đóng phí dự kiến, các loại phí, lãi suất tích lũy và ảnh hưởng của các yếu tố này đến giá trị tài khoản.
4. Giá trị hoàn lại của hợp đồng là số tiền Bên mua bảo hiểm sẽ nhận khi chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn. Giá trị hoàn lại của hợp đồng tại từng thời điểm sẽ là Giá trị tài khoản tại thời điểm tương ứng trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn (nếu có) và các khoản nợ (nếu có). Giá trị hoàn lại sẽ được đảm bảo tại mức lãi suất cam kết tối thiểu và không được đảm bảo tại các mức lãi suất minh họa khác.

Bảng Minh Họa

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 20 | 25**

2.1.0.0 | 21062019

112802095530601

## AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG MINH HỌA THƯỜNG GIA TĂNG BẢO VỆ AIA VITALITY

“Chương Trình AIA Vitality Việt Nam” là một chương trình do Công ty TNHH AIA Sức Sống Mới (Việt Nam) triển khai nhằm giúp người dùng lựa chọn lối sống khoẻ mạnh hơn thông qua các công cụ, hỗ trợ và khích lệ nhằm khuyến khích những thói quen tích cực như thường xuyên vận động, chế độ dinh dưỡng lành mạnh và kiểm tra sức khỏe định kỳ.

### Quyền lợi thường gia tăng bảo vệ AIA Vitality

Các bảng minh họa dưới đây có mục đích minh họa nhằm thể hiện Quyền lợi thường gia tăng bảo vệ AIA Vitality của sản phẩm **Bảo hiểm Liên kết chung Ưu Việt** dựa trên Hạng Thành Viên Vitality cao nhất và thấp nhất của Người được bảo hiểm (NDBH). Trong đó, Tỷ lệ thường gia tăng bảo vệ sẽ được tính toán theo Hạng Thành Viên AIA Vitality mà Khách hàng đạt được vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng.

Khách hàng sẽ không được nhận Quyền lợi thường gia tăng bảo vệ AIA Vitality nếu Tư cách Thành Viên AIA Vitality của NDBH bị mất hiệu lực/chấm dứt vì bất kỳ lý do gì.

### 1. Minh họa tình huống với quyền lợi cao nhất

- Giả sử NDBH duy trì hiệu lực Tư cách Thành Viên và đạt được Hạng Thành Viên AIA Vitality “Bạch kim” (tức là trạng thái cao nhất) vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng, bắt đầu từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ nhất.
- NDBH đạt được Tỷ lệ thường gia tăng bảo vệ ở mức tối đa là 20% từ năm hợp đồng thứ 11 trở đi.

Đơn vị: ngàn đồng

| Năm hợp đồng | % Tỷ lệ thường gia tăng bảo vệ của năm hợp đồng trước đó | Mức thay đổi của Tỷ lệ thường theo Hạng Thành Viên AIA Vitality tại cuối năm hợp đồng trước đó | % Tỷ lệ thường gia tăng bảo vệ của năm hợp đồng hiện tại (A) | STBH hiện tại (B) | Giá trị Quyền lợi thường gia tăng bảo vệ AIA Vitality (C) = (A) * (B) | STBH + Quyền lợi thường gia tăng bảo vệ AIA Vitality (D) = (B) + (C) |
|--------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 1            | -                                                        | -                                                                                              | 0%                                                           | 2.000.000         | -                                                                     | 2.000.000                                                            |
| 2            | 0%                                                       | Cộng 2%                                                                                        | 2%                                                           | 2.000.000         | 40.000                                                                | 2.040.000                                                            |
| 3            | 2%                                                       | Cộng 2%                                                                                        | 4%                                                           | 2.000.000         | 80.000                                                                | 2.080.000                                                            |
| 4            | 4%                                                       | Cộng 2%                                                                                        | 6%                                                           | 2.000.000         | 120.000                                                               | 2.120.000                                                            |
| 5            | 6%                                                       | Cộng 2%                                                                                        | 8%                                                           | 2.000.000         | 160.000                                                               | 2.160.000                                                            |
| 6            | 8%                                                       | Cộng 2%                                                                                        | 10%                                                          | 2.000.000         | 200.000                                                               | 2.200.000                                                            |
| 7            | 10%                                                      | Cộng 2%                                                                                        | 12%                                                          | 2.000.000         | 240.000                                                               | 2.240.000                                                            |
| 8            | 12%                                                      | Cộng 2%                                                                                        | 14%                                                          | 2.000.000         | 280.000                                                               | 2.280.000                                                            |

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

Đại lý bảo hiểm:

**Trang 21 | 25**

Ngày giờ lập:

2.1.0.0 | 21062019

112802095530601



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,  
HẠNH PHÚC HƠN

## AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG MINH HỌA THƯỜNG GIA TĂNG BẢO VỆ AIA VITALITY

|    |     |         |     |           |         |           |
|----|-----|---------|-----|-----------|---------|-----------|
| 9  | 14% | Cộng 2% | 16% | 2.000.000 | 320.000 | 2.320.000 |
| 10 | 16% | Cộng 2% | 18% | 2.000.000 | 360.000 | 2.360.000 |
| 11 | 18% | Cộng 2% | 20% | 2.000.000 | 400.000 | 2.400.000 |

### 2. Minh họa tình huống với quyền lợi thấp nhất

- Giả sử NĐBH duy trì hiệu lực Tư cách Thành Viên và đạt được Hạng Thành Viên AIA Vitality “Đồng” (tức là trạng thái thấp nhất) vào mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng, bắt đầu từ Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ nhất.
- Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ giữ nguyên ở mức 0% mỗi năm.

Đơn vị: ngàn đồng

| Năm hợp đồng | % Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ của năm hợp đồng trước đó | Mức thay đổi của Tỷ lệ thưởng theo Hạng Thành Viên AIA Vitality tại cuối năm hợp đồng trước đó | % Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ của năm hợp đồng hiện tại (A) | STBH hiện tại (B) | Giá trị Quyền lợi thưởng gia tăng bảo vệ AIA Vitality (C) = (A) * (B) | STBH + Quyền lợi thưởng gia tăng bảo vệ AIA Vitality (D) = (B) + (C) |
|--------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 1            | -                                                        | -                                                                                              | 0%                                                           | 2.000.000         | 0                                                                     | 2.000.000                                                            |
| 2            | 0%                                                       | 0%                                                                                             | 0%                                                           | 2.000.000         | 0                                                                     | 2.000.000                                                            |
| 3            | 0%                                                       | 0%                                                                                             | 0%                                                           | 2.000.000         | 0                                                                     | 2.000.000                                                            |
| 4            | 0%                                                       | 0%                                                                                             | 0%                                                           | 2.000.000         | 0                                                                     | 2.000.000                                                            |
| 5            | 0%                                                       | 0%                                                                                             | 0%                                                           | 2.000.000         | 0                                                                     | 2.000.000                                                            |
| 6            | 0%                                                       | 0%                                                                                             | 0%                                                           | 2.000.000         | 0                                                                     | 2.000.000                                                            |

### Lưu ý:

- Quyền lợi thưởng gia tăng bảo vệ AIA Vitality chỉ được xem xét khi Tư cách thành viên của chương trình AIA Vitality còn hiệu lực tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm.
- Quyền lợi thưởng gia tăng bảo vệ AIA Vitality chỉ áp dụng cho sản phẩm BHNT này. Quyền lợi này không được mở rộng cho bất kỳ sản phẩm BHNT khác hoặc sản phẩm BHBK nào khác trừ khi được quy định cụ thể.
- Tỷ lệ thưởng gia tăng bảo vệ được giới hạn ở mức tối đa 20% và tối thiểu là 0%.
- Giá trị của từng quyền lợi phụ thuộc vào Số tiền bảo hiểm, có thể được tăng thêm nếu được AIA Việt Nam chấp thuận.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 22 | 25**

2.1.0.0 | 21062019

112802095530601



SỐNG KHỎE HƠN, LÂU HƠN,  
HẠNH PHÚC HƠN

## AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG MINH HỌA THƯỜNG GIA TĂNG BẢO VỆ AIA VITALITY

5. AIA Vitality sẽ tính phí thường niên và thành viên phải gia hạn Tư cách Thành Viên AIA Vitality hàng năm để được hưởng Quyền lợi thưởng gia tăng bảo vệ AIA Vitality trong các Năm hợp đồng tiếp theo.

Bảng Minh Hoa Mẫu

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 23 | 25**

2.1.0.0 | 21062019

112802095530601

## **MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG**

### **1. Nghĩa vụ kê khai thông tin trung thực**

- Là cơ sở để công ty bảo hiểm chấp thuận hay từ chối bảo hiểm cho Khách hàng và cũng là cơ sở cho việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm về sau. Vì vậy, đây là trách nhiệm mà Khách hàng phải đảm bảo tuân thủ khi tham gia bảo hiểm nhân thọ. Việc kê khai không đầy đủ hoặc không trung thực thông tin trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm có thể sẽ dẫn đến tình trạng hợp đồng bảo hiểm bị hủy bỏ hoặc quyền lợi bảo hiểm không được chi trả.

### **2. Cân nhắc tham gia bảo hiểm (21 ngày)**

- Trong vòng 21 ngày kể từ ngày nhận được Hợp đồng bảo hiểm, Khách hàng có quyền từ chối tiếp tục tham gia Hợp đồng bảo hiểm bằng cách gửi thông báo đến AIA Việt Nam. Khi đó, Công ty sẽ hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm, hoàn lại số phí bảo hiểm mà Khách hàng đã đóng, không có lãi, sau khi trừ đi các chi phí kiểm tra sức khỏe, nếu có.

### **3. Gia hạn đóng phí, mất hiệu lực hợp đồng và khôi phục hiệu lực hợp đồng**

- Hợp đồng bảo hiểm được gia hạn đóng phí bảo hiểm trong vòng 60 ngày kể từ ngày Giá trị tài khoản hợp đồng sau khi trừ đi Khoản nợ (nếu có) không đủ để thanh toán cho Khoản khấu trừ hàng tháng.
- Trong thời hạn gia hạn đóng phí, quyền lợi bảo hiểm của Khách hàng vẫn được duy trì, bao gồm cả Quyền lợi thưởng gia tăng bảo vệ AIA Vitality.
- Ngay sau khi kết thúc thời hạn gia hạn đóng phí, trong trường hợp Khách hàng không đóng đủ khoản phí bảo hiểm theo yêu cầu thì Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực tính. Khi đó, Công ty sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm, bao gồm cả Quyền lợi thưởng gia tăng bảo vệ AIA Vitality.
- BMBH có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm trong vòng 24 tháng kể từ ngày mất hiệu lực.

### **4. Một số điểm quan trọng khác**

- Việc giao kết một Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung là một cam kết dài hạn. BMBH không nên chỉ duy trì Hợp đồng bảo hiểm trong thời gian ngắn hạn vì các khoản phí phải trả có thể rất cao trong thời gian đầu của Hợp đồng bảo hiểm, việc hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí đã đóng.
- BMBH vui lòng lưu ý về các quy định tại hợp đồng bảo hiểm để bảo đảm quyền và nghĩa vụ khi tham gia bảo hiểm, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí và kê khai thông tin.
- Chi tiết về quyền lợi, điều khoản loại trừ và các nội dung cơ bản khác của sản phẩm bảo hiểm nêu trên được quy định cụ thể trong Quy tắc và điều khoản sản phẩm của sản phẩm bảo hiểm.

**MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM**

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 24 | 25**

2.1.0.0 | 21062019

112802095530601



## AIA VIỆT NAM – SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Tôi xác nhận đã được đại diện được ủy quyền của Công ty tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi theo đây xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm **Bảo hiểm Liên Kết Chung AIA - Khoẻ Trọn Vẹn - Kế hoạch tối ưu** cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia do nhận thấy Hợp đồng bảo hiểm này phù hợp với nhu cầu của tôi.

Tôi cũng hiểu rõ rằng:

1. Tham gia hợp đồng bảo hiểm là một cam kết dài hạn. Việc hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.
2. Bảng minh họa này là một phần của hợp đồng bảo hiểm và chỉ có giá trị khi có đầy đủ số trang. Bên mua bảo hiểm cần tuân thủ các quy định tại hợp đồng bảo hiểm để bảo đảm quyền và lợi ích khi tham gia bảo hiểm, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí và kê khai thông tin.
3. Việc rút tiền từ GTTK hợp đồng và/hoặc thay đổi kế hoạch đóng phí sẽ làm ảnh hưởng đến GTTK hợp đồng và ảnh hưởng đến hiệu lực hợp đồng.
4. Mức lãi suất dự kiến thể hiện bên trên là mức lãi suất đã trừ phí quản lý quỹ và chỉ mang tính tham khảo. Mức lãi suất thực tế có thể khác với mức lãi suất dự kiến, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

Bên mua bảo hiểm

Số CMND/Căn cước công dân/  
Hộ chiếu/Mã số doanh nghiệp

Xác nhận

Ngày/tháng/năm

Tôi, đại diện được ủy quyền của Công ty xác nhận dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm **Bảo hiểm Liên Kết Chung AIA - Khoẻ Trọn Vẹn - Kế hoạch tối ưu** và nội dung Bảng minh họa này.

Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm

Văn phòng

Xác nhận

Ngày/tháng/năm

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý bảo hiểm:

Ngày giờ lập:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang sau

**Trang 25 | 25**

2.1.0.0 | 21062019

112802095530601